MISSOURI DEPARTMENT OF HEALTH AND SENIOR SERVICES
WIC AND NUTRITION SERVICES

NUTRITION ASSESSMENT FOR CHILDREN AGES 1-5 /ĐÁNH GIÁ VỀ DINH DƯỠNG DÀNH CHO TRẺ EM TỪ 1 TỚI 5 TUỔI

TÊN CỦA NGƯỜI THAM GIA VÀ DCN:	NGÀY THÁNG NĂM SINH:	TUỔI: √Tầm tháng tuổi ☐ 12-23 ☐ 24-59	NGÀY HOÀN TẤT:

Form completed by: ☐ Parent/Guardian or WIC Staff: ☐ CPA ☐ RD ☐ Nutritionist ☐ WIC Certifier

Xin nghĩ về thói quen của con quý vị và cố gắng hết sức để trả lời các câu hỏi sau đây.
Xin đánh một dấu kiểm vào ô ☑ và/hoặc ghi ra câu trả lời của quý vị.

NGƯỜI CHĂM SÓC

1. Quý vị mô tả khẩu vị của con quý vị như thế nào? ☐ Tốt ☐ Vừa phải ☐ Kém
2. Quý vị có nhận thấy bất kỳ thay đổi nào gần đây về khẩu vị của con quý vị không? ..... ☐ Có ☐ Không
3. Quý vị có thắc mắc về thói quen ăn uống của con quý vị không? ..... ☐ Có ☐ Không
   Nếu có, các thói quen đó là gì?
4. Quý vị làm gì khi con quý vị không muốn ăn hoặc chỉ muốn ăn một loại thực phẩm nhất định?
5. Con quý vị có thường xuyên bị nghẹn đồ ăn không? ..... ☐ Có ☐ Không
   Nếu có, xin liệt kê:
6. Đa số các loại thực phẩm mà con quý vị ăn được chế biến như thế nào? Đánh dấu vào tất cả các ô thích hợp.
   ☐ Nghiền nát ☐ Xay nhuyễn hoặc là đồ ăn dành Trẻ Nhỏ ☐ Đồ ăn xắt nhỏ
   ☐ Dạng lỏng ☐ Đồ ăn bốc bằng tay ☐ Loại khác:

THÓI QUEN VỀ BỮA ĂN

7. Con quý vị ăn bao nhiêu bữa một ngày? ____ bữa/ngày ____ bữa nhẹ/ngày
   Con quý vị thường ăn các loại thực phẩm nào cho bữa nhẹ? Đánh dấu vào tất cả các ô thích hợp.
   ☐ Sữa, sữa chua, phó mát ☐ Thịt, cá, trứng, đậu ☐ Rau hoặc trái cây
   ☐ Bánh mì, ngũ cốc, gạo và mì nui ☐ Khoai tây chiên lát mỏng (chips)/các loại thực phẩm mặn
   ☐ Bánh qui/bánh nướng/các loại thực phẩm có đường
8. Gia đình quý vị thường ăn chung với nhau bao nhiêu ngày trong một tuần? ____ ngày/tuần
9. Vào giờ ăn, con quý vị có thường xuyên ăn cùng thức ăn với các thành viên khác trong gia đình không? (Đánh dấu vào một ô)
   ☐ Hầu như luôn luôn ☐ Đôi khi ☐ Hiếm khi
   Nếu trả lời là hiếm khi, con quý vị ăn gì?
   Liệt kê:
10. Con quý vị ăn tại cơ sở giữ trẻ (kể cả Head Start) bao nhiêu ngày trong một tuần? ____ ngày/tuần
11. Bình thường trong một tuần, con quý vị ăn bao nhiêu bữa tại nhà hàng, kể cả đồ ăn nhanh? ____ bữa/tuần
12. Trong một ngày, con quý vị ăn bao nhiêu bữa chính hoặc bữa nhẹ khi ngồi trước TV? ____bữa nhẹ/ngày ____bữa chính/ngày

THÓI QUEN ĂN

13. Đa số các loại thực phẩm được chế biến như thế nào? Đánh dấu vào tất cả các ô thích hợp.
    ☐ Nướng lò ☐ Chiên ☐ Luộc ☐ Quay ☐ Nướng om ☐ Nướng lửa ☐ Nấu trong lò viba (microwaved)
14. Có loại thực phẩm nào mà quý vị nghĩ rằng con quý vị không ăn đủ không? ..... ☐ Có ☐ Không
    Nếu có, đánh dấu vào tất cả các ô thích hợp: ☐ Sữa, sữa chua, phó mát ☐ Trái cây ☐ Rau ☐ Thịt ☐Bánh mì, ngũ cốc, gạo và mì nui
15. Có loại thực phẩm nào mà quý vị nghĩ rằng con quý vị ăn quá nhiều không? ..... ☐ Có ☐ Không
    Nếu có, xin liệt kê:
16. Con quý vị có thường xuyên ăn các loại thực phẩm ngọt như kẹo mút (lollipops), kẹo, ngũ cốc tẩm đường, hoặc các món tráng miệng không? .....
    ☐ Có ☐ Không
    Nếu có, xin ghi (các) loại thực phẩm và Số Lượng:

*17. Con quý vị có ăn các loại thực phẩm như:
    a. nước rau và nước trái cây chưa được tiệt trùng, ... ☐ Có ☐ Không
    b. các sản phẩm làm từ sữa chưa được tiệt trùng, ... ☐ Có ☐ Không
    c. các loại phó mát mềm như Feta, Brie, Camembert, phó mát có vân xanh, phó mát kiểu Mễ Tây Cơ, ... ☐ Có ☐ Không
    d. thịt, cá, thịt gà, thịt gà tây hoặc trứng sống hoặc chưa nấu chín kỹ, ... ☐ Có ☐ Không
    e. mầm rau sống (alfalfa, cỏ ba lá, giá sống, củ cải đường), ... ☐ Có ☐ Không
    f. đậu khuôn sống hoặc chưa nấu chín kỹ, ... ☐ Có ☐ Không
    g. thịt nguội dành cho bữa trưa chưa nấu chín, thịt deli, hot dogs. ..... ☐ Có ☐ Không

*18. Con quý vị có thường xuyên ăn các thứ không phải là thực phẩm không? ..... ☐ Có ☐ Không
    Nếu có, đánh dấu vào tất cả các ô thích hợp.
    ☐ Tro ☐ Đất sét ☐ Các mảnh sơn
    ☐ Các sợi thảm ☐ Bụi ☐ Đất
    ☐ Thuốc lá hoặc đầu mẩu thuốc lá ☐ Cao su bọt biển ☐ Tinh bột (hồ hoặc tinh bột ngô)
    ☐ Giấy ☐ Thứ khác:

(Điền tiếp mặt sau)

19. Con quý vị có tự ăn không? ..... ☐ Có ☐ Không
Nếu có, đánh dấu vào tất cả các ô thích hợp.
☐ Dùng ngón tay bốc thức ăn ☐ Dùng muỗng/nĩa ☐ Uống bằng ly hút dành cho trẻ em ☐ Uống bằng ly hoặc chén thông thường
☐ Cách khác:

*20. Con quý vị có theo chế độ ăn uống đặc biệt không? ..... ☐ Có ☐ Không
Nếu có, đánh dấu: ☐ Ăn chay ☐ Ăn chay trường ☐ Ít calorie/giảm cân ☐ Dị ứng với thực phẩm hoặc không dung nạp được thực phẩm
☐ Ăn đồ chay ☐ Chế độ khác:

21. Quý vị có đang nuôi cháu bé này bằng sữa mẹ không? ..... ☐ Có ☐ Không
Nếu có, bao lâu một lần?

ĐỒ UỐNG

22. Con quý vị có uống sữa không? ..... ☐ Có ☐ Không
Nếu có, đánh dấu vào tất cả các ô thích hợp. ☐ Sữa bột (tên)_____
☐ Không có chất béo (đã tách chất béo) ☐ Có ít nhất béo (1%) ☐ Sữa giảm chất béo (2%) ☐ Sữa nguyên chất
☐ Có thêm nước làm từ Gạo hoặc Đậu Nành ☐ Không thêm nước làm từ Gạo hoặc Đậu Nành ☐ Sữa bột ☐ Sữa khô ☐ Sữa đặc có đường
☐ Sữa Dê
☐ Loại khác:

23. Con quý vị uống sữa bao lâu một lần? (Đánh dấu vào một ô)
☐ Nhiều lần/ngày (Hơn 3 ly) ☐ Vài lần/ngày (3 ly) ☐ Một lần/ngày (1 ly) ☐ Chưa tới một lần/ngày

*24. Bình thường trong ngày con quý vị còn uống các loại đồ uống nào khác? Đánh dấu vào tất cả các ô thích hợp.
☐ Nước trái cây (100%) ☐ Nước lã ☐ Nước – thêm đường ☐ Nước trái cây
☐ Các loại đồ uống dành cho người chơi thể thao ☐ Nước soda/đồ uống có ga thông thường
☐ Nước soda/đồ uống có ga dành cho người ăn kiêng ☐ Cà phê/trà
☐ Nước Thạch/Kool-Aid ☐ Loại khác:

25. Con quý vị uống nước trái cây nguyên chất 100% bao lâu một lần?
☐ Nhiều lần/ngày (Hơn 3 ly) ☐ Vài lần/ngày (3 ly) ☐ Một lần/ngày (1 ly) ☐ Chưa tới một lần/ngày

26. Nguồn nước chính của con quý vị là gì? (Đánh dấu vào một ô)
☐ Hệ thống nước của thành phố ☐ Hệ thống nước của vùng nông thôn ☐ Giếng nước riêng ☐ Nước đóng chai
a. Nếu là giếng nước riêng, nguồn nước này đã được kiểm tra vi khuẩn hoặc chất ni-trát chưa? ..... ☐ Có ☐ Không ☐ Không biết
Nếu có, đánh dấu vào kết quả kiểm tra: ☐An toàn ☐Không an toàn ☐ Không biết
b. Nguồn nước của nhà quý vị có được cho thêm chất fluoride hay không? ..... ☐ Có ☐ Không ☐ Không biết
c. Con quý vị có đánh răng bằng loại thuốc đánh răng có chất fluoride không? ..... ☐ Có ☐ Không ☐ Không biết

BÌNH SỮA VÀ LY HÚT DÀNH CHO TRẺ EM

27. Con quý vị có uống bằng bình sữa trẻ em không? ..... ☐ Có ☐ Không

28. Quý vị thường cho cháu ăn gì trong bình? Đánh dấu vào tất cả các ô thích hợp.
☐ Sữa ☐ Nước trái cây ☐ Nước ☐ Các loại nước uống có vị trái cây ☐ Các loại đồ uống dành cho người chơi thể thao
☐ Đồ uống có ga/soda ☐ Cà phê/trà
☐ Ngũ cốc/các loại thực phẩm rắn khác được thêm vào bình ☐ Loại thực phẩm khác:

29. Con quý vị có mang theo bình sữa hoặc ly hút khi đi ngủ vào ban đêm hoặc ngủ chợp giấc vào ban ngày không? ..... ☐ Có ☐ Không

30. Con quý vị có mang theo bình sữa hoặc ly hút vào ban ngày không? ..... ☐ Có ☐ Không

CÁC CHẤT BỔ DƯỠNG

31. Con quý vị có dùng sinh tố, các chất khoáng, thảo dược hoặc các loại chất bổ là thảo dược không? ..... ☐ Có ☐ Không
Nếu có, đánh dấu vào loại chất bổ đó. ☐ Đa sinh tố dành cho trẻ em ☐ Thuốc bổ có chất sắt ☐ Thuốc bổ có chất fluoride
☐ Chất bổ là thảo dược ☐ Loại khác:

THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM

32. Trong tháng vừa qua, quý vị hoặc người nhà của quý vị có ăn ít hơn mức mà quý vị cảm thấy quý vị/họ nên hoặc không nên ăn trong cả ngày vì không có đủ tiền để mua thực phẩm không? ..... ☐ Có ☐ Không ☐ Không biết hoặc từ chối trả lời

33. Con quý vị có tham gia các chương trình Early Head Start, Head Start hoặc Parents as Teachers không? ..... ☐ Có ☐ Không

34. Gia đình quý vị có tham gia bất kỳ chương trình thực phẩm hoặc dinh dưỡng nào không? ..... ☐ Có ☐ Không
Nếu có, đánh dấu vào tất cả các ô thích hợp. ☐ Phiếu Thực Phẩm (Food Stamps) ☐ Chương trình ăn trưa ở trường
☐ Chương Trình Giáo Dục về Dinh Dưỡng cho Gia Đình (FNEP)
☐ Chương trình hàng hóa ☐ Kho trợ cấp thực phẩm ☐ Chương trình khác:

35. Quý vị có đủ dụng cụ để cất trữ và chế biến thực phẩm như tủ lạnh, bếp lò đang hoạt động tốt, và nơi cất giữ thực phẩm không có động vật gặm nhấm và các loại hóa chất độc hại không? ..... ☐ Có ☐ Không

HOẠT ĐỘNG THỂ CHẤT

36. Bình thường trong một ngày, con quý vị coi tivi, chơi các trò chơi video và/hoặc chơi các trò chơi trên máy tính bao nhiêu giờ?
☐ Chưa tới 1 giờ ☐ 1 tới 2 giờ ☐ Hơn 2 giờ

37. Bình thường trong một ngày, con quý vị chơi ở ngoài trời bao nhiêu giờ? ☐ Chưa tới 1 giờ ☐ 1 tới 2 giờ ☐ Hơn 2 giờ

CHỈ DÀNH CHO NHÂN VIÊN VĂN PHÒNG WIC ĐIỀN

SIGNATURE (RISK ASSESSMENT):	SIGNATURE (NUTRITION COUNSELING):
DATE:	DATE:

This institution is an Equal Opportunity provider.